

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20.7.2017

V/v ly hôn giữa ông T và bà T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải – Giáo viên trường Trung học cơ sở Tân Lâm.

2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên – Phó chủ tịch Hội nông dân huyện C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1980; Trú tại: ấp V, xã M, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1979; Trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thanh T tổ chức lễ cưới năm 2003. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số I, ngày 09/4/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm dẫn đến vợ chồng thường cãi vã. Bà T tự ý bỏ nhà ra đi từ tháng 12/2014. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Hằng, sinh ngày 14/9/2004 và Nguyễn Thị Mỹ Hương, sinh ngày 26/3/2011,

hiện đang sống chung với ông T. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:* về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, ngày tháng đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đúng như ông T nêu. Bà thừa nhận giữa bà và ông T có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do ông T có người phụ nữ khác bên ngoài nên bà có cãi nhau với ông T. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con như ông T trình bày, hiện đang sống với ông T. Do cả 02 con là con gái nên bà yêu cầu được nuôi cả 02 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng/tháng. Bà đi làm công nhân từ sáng đến tối, việc chăm sóc con thì bà sẽ nhờ cha mẹ phụ nuôi, khi nào có thời gian rảnh thì bà sẽ chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con của ông T là phù hợp và buộc bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T trình bày giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011 đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm dẫn đến vợ chồng thường cãi vã. Bà T tự ý bỏ nhà ra đi từ tháng 12/2014. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận mâu thuẫn đúng như ông T trình bày và bà đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận ông T và bà T thuận tình ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Hằng, sinh ngày 14/9/2004 và Nguyễn Thị Mỹ Hương, sinh ngày 26/3/2011, hiện đang sống chung với ông T. Ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu

cầu bà T cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, bà T cũng yêu cầu được nuôi cả 02 con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, tại phiên tòa cháu Hằng có nguyện vọng được sống chung với ông T và tại công văn số 412/UBND-TP ngày 06/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin thu nhập bình quân của ông T khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Hai cháu Hằng và Hương đã sống chung với ông T kể từ khi bà T bỏ đi và ông T đã chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu phát triển về mọi mặt. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông T. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì vậy ông T yêu cầu bà T cấp dưỡng là phù hợp. Bà T và ông T không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên cần buộc bà T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật 650.000 đồng/con/tháng kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của ông T, bà T, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh T được quyền tiếp tục nuôi 02 con Nguyễn Thị Thúy Hằng, sinh ngày 14/9/2004 và Nguyễn Thị Mỹ Hương, sinh ngày 26/3/2011. Bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 650.000 đồng kể từ tháng 8/2017 đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của ông T, bà T, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý

nhà nước về trẻ em và Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc tiền cấp dưỡng cho con.

Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0006238 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc